

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 01/CV ngày 8/4/2024 của Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh tổng hợp Mông Nhuận về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Trạm kinh doanh xăng dầu Mông Nhuận tại xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1852/TTr-STNMT ngày 25 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh tổng hợp Mông Nhuận, địa chỉ: Thôn Nhuận Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trạm kinh doanh xăng dầu Mông Nhuận tại thôn Nhuận Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Trạm kinh doanh xăng dầu Mông Nhuận.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Nhuận Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 43E 8000499, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2014, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 04 tháng 6 năm

2018 do Phòng Tài chính Kế hoạch, huyện Ninh Phước cấp.

1.4. Mã số thuế: 43E 8000499.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh xăng dầu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Diện tích đất sử dụng: 400 m². Trong đó, diện tích xây dựng khu vực mái che cột bơm là 87,42 m²; nhà làm việc là 21,6 m²; khu vực chứa bể xăng dầu là 56,18 m² và các hạng mục phụ trợ.

- Công suất:

+ Dự án Trạm kinh doanh xăng dầu Mông Nhuận thuộc cửa hàng xăng dầu cấp 3 theo quy định tại Điều 5 QCVN 01:2020/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu, gồm 03 bể chứa: 01 bể chứa xăng RON 95 có dung tích 15m³; 01 bể chứa xăng RON 92 có dung tích 10m³ và 01 bể chứa dầu DO có dung tích 15m³.

+ Số trụ bơm: 04 trụ.

+ Sản lượng bán hàng khoảng 4.800 m³ xăng/năm và 1.200 m³ dầu/năm.

+ Tổng vốn đầu tư: 2.496.622.305 đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh tổng hợp Mông Nhuận:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh tổng hợp Mông Nhuận có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm

không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Mười (10) năm (Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Phước tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Chủ dự án (3b);
- Các Sở: TN&MT, CT;
- UBND huyện Ninh Phước;
- UBND xã Phước Hữu;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. LXH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt của công nhân, nhân viên phát sinh tại khu vực nhà vệ sinh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt:

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (đạt giá trị cột B) được thu gom vào 01 bể chứa trong khuôn viên Dự án để tận dụng vệ sinh sân nền và sử dụng cho các hoạt động khác của Dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Nước thải sinh hoạt tại dự án sau khi xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (kích thước 2,5 m x 1,6 m x 1,5 m) được tập trung vào bể chứa nước (kích thước 1 m³ x 1 m x 1 m) trong khuôn viên Dự án thuộc xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận có tọa độ: X = 1274556; Y = 0572040 (hệ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°) để tận dụng vệ sinh sân nền và sử dụng cho các hoạt động khác của Dự án.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,7 m³/ngày đêm, tương đương 0,029 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (đạt giá trị cột B) được dẫn vào bể chứa nước theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (đạt giá trị cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của công nhân, nhân viên được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó được thu vào bể chứa nước trong khuôn viên Dự án để tận dụng vệ sinh sân nền và sử dụng cho các hoạt động khác của Dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân viên: 01 bể tự hoại 03 ngăn có dung tích 06 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tự hoại 03 ngăn (gồm: ngăn chứa, ngăn lắng và ngăn lọc) → Bể chứa nước thải sau xử lý → Tận dụng vệ sinh sân nền và sử dụng cho các hoạt động khác của Dự án.

Công suất xử lý nước thải của bể tự hoại: 0,7 m³/ngày đêm

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; quan trắc định kỳ:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, nạo vét định kỳ bùn cặn trong công trình xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống thu, thoát nước.

- Trang bị các vật tư, dụng cụ, phương tiện để ứng phó sự cố tràn dầu và các phương tiện phòng cháy chữa cháy để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/6/2024 đến ngày 01/8/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Vị trí xả thải tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định bề tự hoại 03 ngày theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng trong khu vực Dự án.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh tổng hợp Mông Nhuận chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Các thiết bị điện (khác với loại tại mã 16 01 06 Bóng đèn huỳnh quang thải)	16 01 13	Rắn	2
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	4
3	Nước lẫn dầu thải từ bể tách dầu	17 05 05	Lỏng	5
Tổng cộng				11

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	0,5
2	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	1
3	Bao bì kim loại cứng thải (thùng kim loại thải nhiễm dầu)	18 01 02	Rắn	1
4	Bao bì nhựa cứng thải (chai nhựa cứng thải nhiễm dầu)	18 01 03	Rắn	1
Tổng cộng				3,5

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Không phát sinh.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1.080 kg/năm. Thành phần chủ yếu là hộp thức ăn, thực phẩm rơi, vụn, bao bì và các loại khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Năm (05) thùng chứa bằng nhựa dung tích 60 lít/thùng đặt trong kho lưu chứa chất thải nguy hại tại khuôn viên Dự án.

- Kho lưu chứa: Diện tích 6 m². Kho lưu chứa có mái che bằng tôn, nền bê tông, tường xây bằng gạch trát xi măng và có gờ ngăn nước mưa chảy vào kho theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Không có

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Một (01) thùng rác bằng nhựa, dung tích 20 lít/thùng.

- Thùng rác được tập trung tại khu vực nhà văn phòng định kỳ cuối ngày chuyển giao cho đội vệ sinh của xã Phước Hữu đến thu gom với tần suất 1 lần/ngày để chuyển cho Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận vận chuyển, xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kê

hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn về đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại, bố trí khu lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo các quy định pháp luật hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.